

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị  
Phí đơn kỳ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Trao gửi niềm tin,  
đầu tư sáng suốt



**TRAO GỬI NIỀM TIN – ĐẦU TƯ SÁNG SUỐT****MỤC LỤC****TRANG**

<i>THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI VIỆT NAM</i>	<i>2</i>
<i>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ NĂM 2016</i>	<i>3</i>
<i>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2018</i>	<i>6</i>
<i>CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2017</i>	<i>10</i>
<i>XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH ERNST &amp; YOUNG VIỆT NAM</i>	<i>13</i>



## THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Kế thừa những thành tựu ấn tượng của 10 năm đầu tiên, năm 2017- năm bản lề trong thập niên hoạt động thứ hai của Dai-ichi Life Việt Nam đã kết thúc với thành quả kinh doanh vô cùng tốt đẹp: Tổng doanh thu phí toàn năm 2017 đạt trên 8.035 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2016, chiếm thị phần hơn 12%. Dai-ichi Life Việt Nam đã ngoặt mục vươn lên vị trí thứ 3 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ về phí khai thác mới với doanh thu 3.630 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2016.

Ngày 30/11/2017, Dai-ichi Life Việt Nam đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép chấp thuận cho đợt tăng vốn lần thứ sáu lên hơn 5.400 tỷ đồng. Được sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ công ty mẹ là Tập đoàn Dai-ichi Life, chỉ trong năm 2017, Công ty đã tăng vốn 3 lần liên tiếp từ 2.600 tỷ đồng lên hơn gấp đôi, trở thành một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có mức vốn đầu tư lớn nhất thị trường, minh chứng tiềm lực tài chính vững mạnh cũng như cam kết phát triển dài lâu tại Việt Nam.

Trong năm 2017, kết quả đầu tư của các Quỹ liên kết đơn vị thuộc sản phẩm An Thịnh Đầu Tư cũng đã đạt được những kết quả ấn tượng, đáp ứng tốt nhất kỳ vọng của khách hàng.

Với những dự báo khá lạc quan về triển vọng tăng trưởng tốt của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018, cùng chiến lược đầu tư chủ động, phân bổ tài sản đầu tư hợp lý, nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư từ đội ngũ chuyên gia am tường, giàu kinh nghiệm của Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, tôi tin rằng sản phẩm An Thịnh Đầu Tư sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh của một giải pháp bảo vệ tài chính ưu việt và là một kênh đầu tư hiệu quả an toàn, tiếp tục mang đến các giá trị tối ưu cho khách hàng.

Thay mặt Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam, cùng Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã lựa chọn và trao gửi niềm tin vào Công ty trong suốt thời gian qua. Chúng tôi luôn nỗ lực đưa Dai-ichi Life Việt Nam trở thành **công ty bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam** và ước mong sẽ tiếp tục đồng hành, gắn bó dài lâu với Quý khách và gia đình thân yêu để cùng xây dựng, hoạch định nền tảng cuộc sống tươi đẹp hôm nay và mai sau.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình thật nhiều Sức khỏe, Bình an, Hạnh phúc và Thành công.

Trân trọng,



**Trần Đình Quân**  
Tổng Giám đốc



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ NĂM 2017

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

vào các ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán từ ngày 26 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Trong năm 2017, nền kinh tế có những bước chuyển biến rất tích cực, tăng trưởng GDP đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu đề ra 6,7%. Đặc biệt, thị trường chứng khoán Việt Nam có mức tăng trưởng mạnh 48,03% so với mức tăng của năm 2016 là 14,82%; chỉ số VN-Index kết thúc năm 2017 ở mức 984,24 điểm, mức cao nhất kể từ năm 2008. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, giá trị tài sản của các quỹ liên kết đơn vị cũng đã có mức tăng trưởng vượt trội.

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị - Phí đơn kỳ từ ngày 27 tháng 10 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2017, giá trị tài sản của Quỹ Đảm Bảo, với tỷ trọng đầu tư 81% vào trái phiếu chính phủ và 18% tiền gửi ngân hàng, tăng trưởng ổn định 5,93% (tương đương 5,00%/năm). Trong cùng kỳ, Quỹ Thịnh Vượng với tỷ trọng phân bổ trên 98% vào cổ phiếu niêm yết và tăng mạnh trong năm 2017, nên giá trị tài sản của Quỹ này tăng 45,46%, (tương đương 37,35%/năm) và riêng trong năm 2017 đạt mức 52,64%. Trong khi đó, mức tăng của chỉ số VN-index là 46,11% (tương đương 37,87%/năm) và riêng trong năm 2017, đạt được 48,03%.

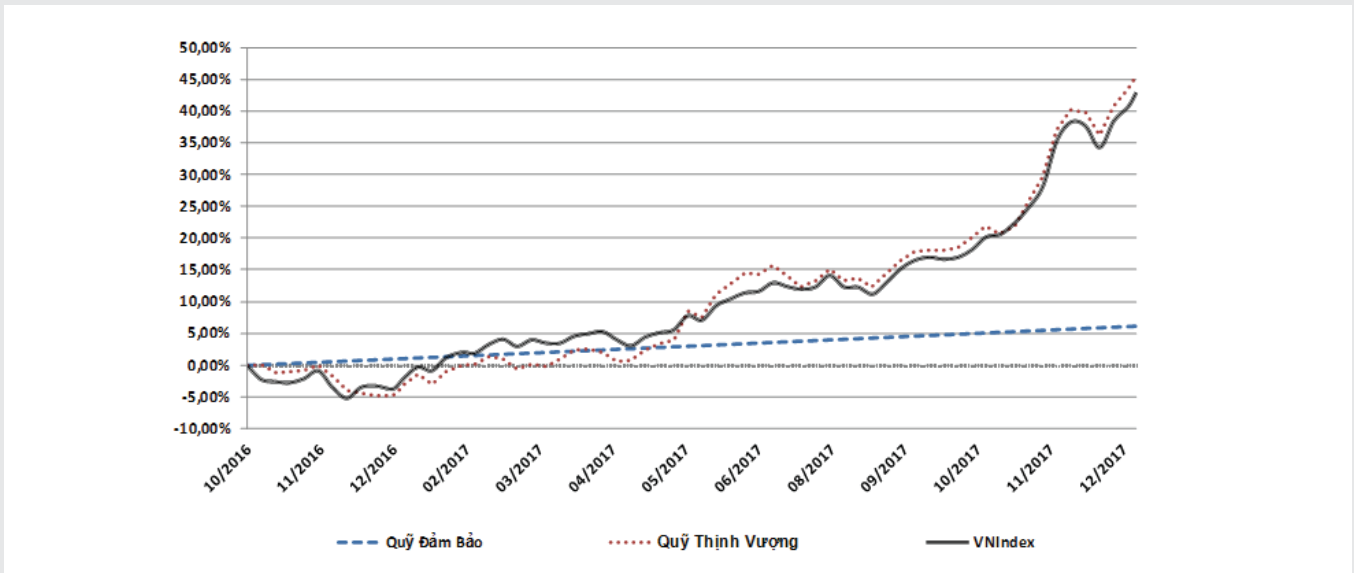
### Bảng bên dưới thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ

Tỷ suất sinh lời	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VN Index
2016 *	0,89%	-4,70%	-1,30%
2017	5,00%	52,64%	48,03%
Tỷ suất sinh lời quy năm	5,00%	37,35%	37,87%
Từ 26/10/2016 đến 31/12/2017	5,93%	45,46%	46,11%

\*Từ 26/10/2016 đến 31/12/2016

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và phí đầu tư trực tiếp

**Biểu đồ bên dưới thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ**



**Danh sách 05 cổ phiếu tiêu biểu trong danh mục đầu tư của các Quỹ:**

CỔ PHIẾU	CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	TỶ TRỌNG (% NAV)
VNM	Vinamilk	Tiêu Dùng – Thực Phẩm, Sữa	12,1%
GAS	PV GAS	Tiện Ích – Năng Lượng	9,1%
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất Động Sản và Xây Dựng	8,9%
VCB	Vietcombank	Tài Chính – Ngân Hàng	8,0%
SAB	Sabeco	Tiêu Dùng – Thực Phẩm, Bia	6,3%

(Số liệu cập nhật tại ngày 30/12/2017)

**Bảng bên dưới nêu rõ mục tiêu, chính sách và lĩnh vực đầu tư của các Quỹ**

Tên Quỹ	Mục tiêu	Chính sách và rủi ro đầu tư	Lĩnh vực đầu tư
<b>Quỹ Đảm Bảo</b>	Tạo thu nhập ổn định.	<b>Chính sách đầu tư:</b> Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. <b>Rủi ro đầu tư:</b> Thấp	Trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép.
<b>Quỹ Thịnh Vượng</b>	Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn.	<b>Chính sách đầu tư:</b> Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. <b>Rủi ro đầu tư:</b> Cao	Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép.



**Quỹ Đảm Bảo**

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5%/ năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

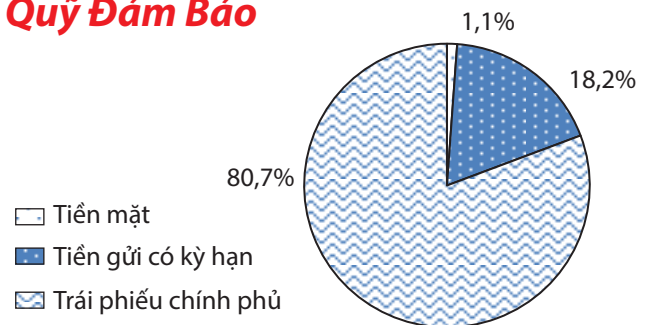
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Đảm Bảo tăng từ 10.327,40 đồng tại cuối năm 2016 lên 10.843,78 đồng tại cuối năm 2017, tăng 5,00%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp.

**Quỹ Thịnh Vượng**

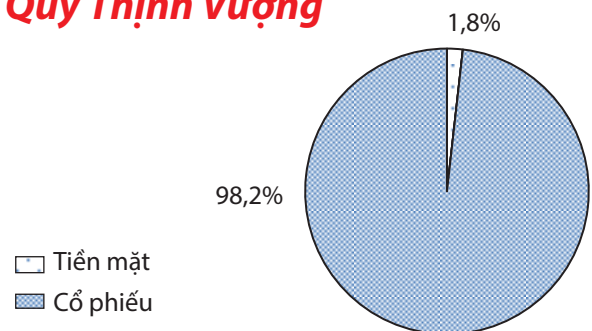
Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Thịnh Vượng tăng từ 9.529,59 đồng tại cuối năm 2016 lên 14.546,14 đồng tại cuối năm 2017, tăng 52,64%. Do tính biến động và rủi ro của quỹ này cao nên lợi suất của quỹ này giảm tương ứng so với thị trường chung.

**Quỹ Đảm Bảo**



**Quỹ Thịnh Vượng**



**CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

**Phí quản lý Quỹ**

CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ TIỀN
Quỹ Đảm Bảo		908.270.038
Quỹ Thịnh Vượng	2,00%	45.985.176

(\*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

**Phí đầu tư trực tiếp**

CỔ PHIẾU	SỐ TIỀN
Quỹ Đảm Bảo	8.800
Quỹ Thịnh Vượng	8.804.530

**CỔ TỨC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CỔ TỨC ĐẾN TÀI SẢN RÒNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Quỹ Đảm Bảo và Quỹ Thịnh Vượng là quỹ không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NĂM 2017 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2018

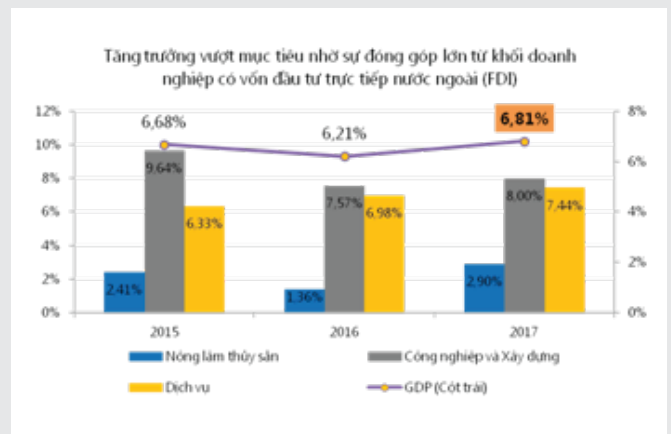
### CÁC NHẬN ĐỊNH CHÍNH

- Việt Nam bước vào năm 2018 với đà tâm lý hứng khởi từ thành quả đạt được về phát triển kinh tế và hiệu quả đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- Tăng trưởng kinh tế hồi phục mạnh mẽ, với mức tăng trưởng GDP cả năm 2017 đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu (6,7%) và cao nhất trong 10 năm. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng năm 2017 đều đạt kết quả tốt và trong tầm kiểm soát của chính phủ như lạm phát (dưới 4%), lãi suất (ổn định và ở mức thấp), tỷ giá ổn định dự trữ ngoại hối tăng kỷ lục (52 tỷ USD), cán cân thương mại (thặng dư 2,4 tỷ USD), đầu tư trực tiếp nước ngoài khả quan (giải ngân FDI đạt 17,5 tỷ USD). Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% năm 2018 được cho là có thể đạt được.
- Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam vẫn được đánh giá là một trong những thị trường hấp dẫn nhất khu vực, với mức tăng trưởng (VN-Index) 48% trong năm 2017; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2012 – 2017 cũng đạt 19,6%/năm. Nhiều ý kiến chuyên gia dự báo lạc quan về triển vọng TTCK Việt Nam năm 2018 tiếp tục xu thế tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố nội tại nền kinh tế và TTCK, triển vọng kinh tế thế giới... Tuy nhiên, những biến động trong ngắn hạn là khó tránh khỏi do quy mô và mức độ phát triển của TTCK Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với khu vực và thế giới.
- Phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP) đạt 193 nghìn tỷ đồng, đạt khoảng 87% kế hoạch phát hành TPCP năm 2017. Lợi suất TPCP giảm tại tất cả các kỳ hạn so với cuối năm 2016. Năm 2018 dự báo sẽ là một năm khó khăn đối với thị trường trái phiếu. Lợi suất trái phiếu dự báo sẽ tiếp tục giảm và tạo mặt bằng thấp mới. Thanh khoản trên thị trường ngân hàng, chính sách của NHNN và tiến trình giải ngân vốn đầu tư công là những yếu tố chính tác động đến giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp năm 2018.

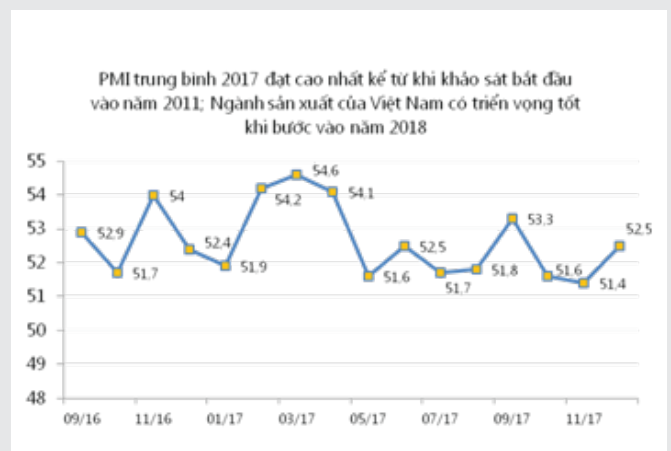
## TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ HỒI PHỤC MẠNH MỀ

**Tăng trưởng kinh tế tiếp tục hồi phục mạnh mẽ trong Quý 4 năm 2017, đạt 7,65%, GDP cả năm 2017 tăng 6,81%, vượt chỉ tiêu (6,7%) và cao nhất trong 10 năm.** Thu nhập bình quân đầu người cũng được cải thiện đáng kể đạt 2.385 USD/người, tăng 170 USD so với năm trước. Về cơ cấu kinh tế, những điểm sáng đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2017 bao gồm: **Khu vực Nông lâm thủy sản** tăng 2,9%, hơn gấp 2 lần mức tăng của 2016. Trong đó, ngành nông nghiệp phục hồi mạnh mẽ sau ảnh hưởng của thiên tai 2016.

**Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8%** (cao hơn mức tăng 7,6% của năm 2016). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 14,5% (cao nhất trong 6 năm gần đây). Chỉ số PMI do Nikkei công bố liên tục duy trì và cách khá xa ngưỡng 50 điểm trong năm 2017. Bên cạnh lực cầu trong nước (tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 12% so với cùng kỳ năm trước) thì xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ 21% trong năm 2017 (so với mức tăng 9% của năm 2016), cũng là động lực quan trọng giúp cho ngành này tăng trưởng cao trong năm 2017.



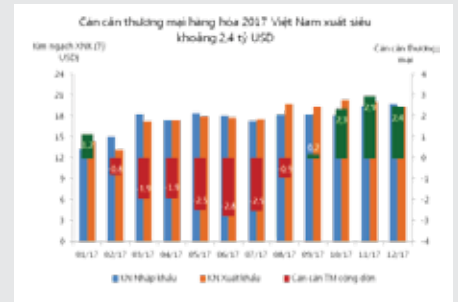
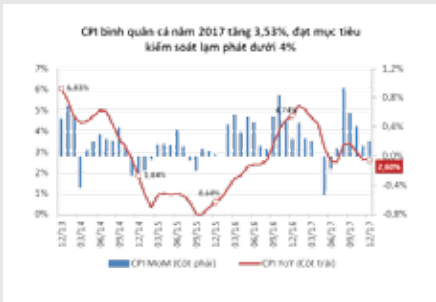
Theo Tổng cục Thống kê, năm 2017, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm điện tử, máy tính và linh kiện của Việt Nam đạt khoảng 25,9 tỷ USD, tăng 36,5%; điện thoại và linh kiện xuất khẩu đạt 45,1 tỷ USD, tăng 31,4%. Các dòng sản phẩm xuất khẩu này chủ yếu thuộc về Samsung. Tính chung lại, giá trị xuất khẩu của Samsung chiếm 21% kim ngạch xuất khẩu và tương đương 13% GDP của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, ngành khai khoáng năm thứ hai liên tiếp giảm sâu với mức giảm 7,3%, chủ yếu là do giảm sản lượng khai thác than và dầu thô. **Khu vực Dịch vụ** tiếp tục là điểm sáng với mức tăng trưởng 7,44% cao nhất kể từ 2012.



(Nguồn: TCTK, NHNN, DFVN Research)

Các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng là thể chế chính sách đang được định hình đúng hướng, môi trường vĩ mô trong nước ổn định và bối cảnh kinh tế thế giới khả quan, việc **Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2018 là 6,7% liệu có hơi “khiêm tốn”?**





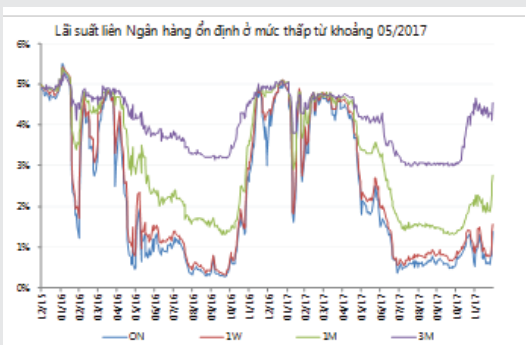
(Nguồn: TCTK, NHNN, DFN Research)

**Kiểm soát lạm phát thành công.** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2017 tăng 3,53% so với cùng kỳ 2016, hoàn thành mục tiêu lạm phát dưới 4%. CPI tăng chủ yếu do các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế và giáo dục theo lộ trình. Rủi ro tiềm ẩn đối với chỉ số lạm phát trong năm 2018 có thể xu hướng tăng giá của các hàng hóa cơ bản trên thế giới như giá xăng dầu và các nguyên vật liệu nhập khẩu. **Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong 2018.**

**Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định trong năm 2017 và dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục 52 tỷ USD** do nguồn cung trong nước dồi dào và xu thế đồng USD giảm giá trên thị trường thế giới. Xét theo tỷ giá trung tâm, VND mất giá 1,2% so với USD trong năm 2017; trong khi đó, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do giảm tương ứng khoảng 0,33% và 1,65% so với cuối năm 2016. Cùng với lạm phát thấp, tỷ giá ổn định thông qua dự trữ ngoại hối cao là những chỉ báo vĩ mô quan trọng của một quốc gia, qua đó củng cố niềm tin của các nhà đầu tư cả trong nước và quốc tế mở rộng hoạt động đầu tư kinh doanh ở Việt Nam.

Trong năm 2017, cán cân thương mại thặng dư khoảng 2,4 tỉ USD; Kiểu hối khoảng 13,8 tỉ USD. Giải ngân vốn FDI 17,5 tỷ USD; dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII) cũng tích cực: giá trị mua ròng của khối nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu và trái phiếu Việt Nam ước đạt trên 2 tỷ USD. Nhờ đó, Ngân hàng Nhà nước có điều kiện mua được trên 12 tỉ USD để tăng dự trữ ngoại hối.

**Theo các chuyên gia, trong năm 2018, VND có thể mất giá so với USD trong biên độ 1,5%-2% là chấp nhận được,** tùy vào chính sách điều hành của NHNN, trên cơ sở nhận định (i) lạm phát ở mức thấp tương đương năm 2017, (ii) thị trường ngoại hối cung vẫn sẽ vượt cầu vì niềm tin của thị trường tăng lên với các dòng vốn mới từ nước ngoài chuyển vào để mua cổ phiếu của các doanh nghiệp cổ phần hóa. Về các yếu tố bên ngoài, FED dự báo có thể tăng lãi suất 4 lần trong năm 2018 và chính sách lãi suất/tiền tệ của NHTW các cường quốc kinh tế khác, sẽ là những thách thức lớn gây áp lực lên tỷ giá năm 2018.



(Nguồn: SSI, DFN Research)

**Lãi suất**

Ngoại trừ các thời điểm căng thẳng do yếu tố thời vụ, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, **lãi suất liên ngân hàng duy trì ổn định ở mức thấp kể từ tháng 05/2017.** Các yếu tố chính tác động đến lãi suất liên ngân hàng trong năm 2017 có thể kể đến là " (i) NHNN có điều kiện thuận lợi để duy trì chính sách điều hành nới lỏng (ii) dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam vẫn duy trì tốt, (iii) giải ngân vốn đầu tư công gặp khó khăn, KBNN tạm thời "điều chuyển" tiền gửi sang các NHTM.

**Lãi suất huy động và cho vay ổn định trong năm 2017** do NHNN có chính sách duy trì mặt bằng lãi suất ổn định hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm; trung và dài hạn ở mức 9,3%-11%/năm. Lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,8%-5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,5%-7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5%-8%/năm. **Năm 2018,** trong bối cảnh các cân đối vĩ mô chủ yếu như lạm phát, tỷ giá dự báo khả quan và trong tầm kiểm soát, và dòng vốn nước ngoài tiếp tục duy trì, **mặt bằng lãi suất dự báo duy trì ổn định ở mức tương đương năm 2017.**

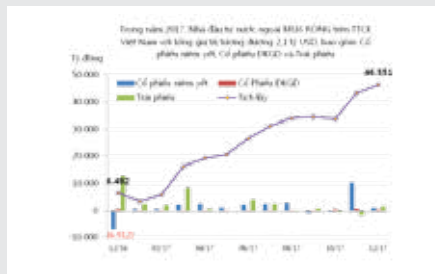
**THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VƯỢT ĐỈNH 9 NĂM VỚI NHỮNG KỶ LỤC MỚI**

**Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam kết thúc năm 2017 với những kỷ lục mới.** Theo đó, kết thúc năm 2017, VN-index tăng 48% so với cuối năm 2016, đóng cửa ở mức 984,24 điểm, cao nhất trong khoảng 9 năm trở lại đây; cao nhất so với các quốc gia trong khu vực ASEAN. Theo thống kê của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, quy mô vốn hóa thị trường đạt gần 3,36 triệu tỷ đồng (~147 tỷ USD), tăng 73% so với năm 2016, tương đương 74,6% GDP. Thanh khoản bùng nổ với giá trị giao dịch

bình quân đạt 4.981 tỷ đồng/phiên, tăng 63% so với mức tương ứng năm 2016. Năm 2017 cũng chứng kiến hoạt động giao dịch mạnh mẽ nhất của khối nhà đầu tư nước ngoài trong lịch sử TTCK Việt Nam, với giá trị mua ròng đạt trên 27 nghìn tỷ đồng tương đương 1,2 tỷ USD. Nếu tính chung cả các giao dịch trái phiếu và cổ phiếu đăng ký giao dịch, tổng giá trị mua ròng của khối ngoại trong năm 2017 khoảng 46.551 tỷ đồng (~2,1 tỷ USD).

Động lực tăng trưởng của thị trường trong năm 2017 xuất phát từ các yếu tố nền tảng như sự khởi sắc và ổn định của nền kinh tế (như các chỉ số kinh tế vĩ mô phân tích ở phần trên) và kết quả tích cực hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; Bên cạnh đó, còn đến từ diễn biến sôi động của các thương vụ IPO lớn, kế hoạch thoái vốn nhà nước, cũng như kỳ vọng của thị trường vào quá trình xem xét nâng hạng của MSCI. Theo đó, thị trường có thể chia thành 2 giai đoạn tăng trưởng như sau: (1) VN-Index tăng từ mức 665 điểm hồi đầu năm lên 837 điểm đạt được vào cuối tháng 10. Giai đoạn này thị trường tăng trưởng đều đặn và không quá đột biến, với động lực chính từ các yếu tố nội tại của nền kinh tế, doanh nghiệp và chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN;

Tăng trưởng VN-Index theo năm, giai đoạn (2012 - 2016)					2017	
2012	2013	2014	2015	2016	2017	Bình quân năm (CAGR)
17,7%	22%	8,1%	6,1%	14,8%	<b>48,03%</b>	<b>19,6%</b>



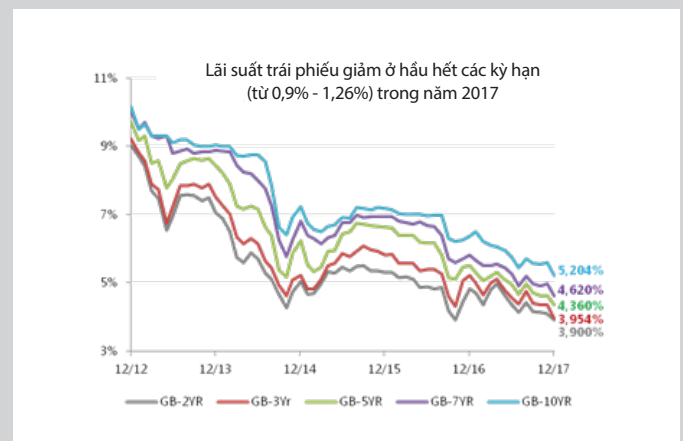
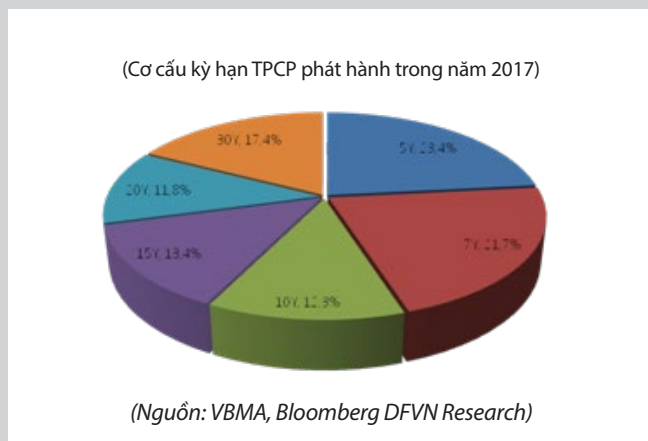
(2) VN-Index tăng 147 điểm, từ mức 837 lên 984 điểm, chỉ trong hai tháng cuối của năm 2017. Trong giai đoạn này VN-Index có mức tăng khá mạnh với động lực chính đến từ hoạt động IPO, niêm yết mới và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp lớn... thành công đã tạo hiệu ứng tâm lý tích cực đối với thị trường chung. Câu chuyện tiềm năng của TTCK được xem xét nâng hạng cũng được hâm nóng giúp khối ngoại đẩy mạnh mua ròng. Ngoài ra, sự phục hồi của giá dầu cũng như nhóm cổ phiếu dầu khí trong giai đoạn này cũng đóng góp đáng kể vào đà tăng chung của thị trường.

Các thương vụ chào bán vốn nhà nước thành công điển hình có thể kể đến là (i) chào bán 53,59% cổ phần Sabeco (**SAB**) trị giá tương đương 4,8 tỷ USD và nhà đầu tư trúng thầu là Thaibev; Trước đó, 3,33% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (**VNM**) cũng đã được đấu giá thành công cho quỹ ngoại Platium Victory Pte. Ltd với giá 186.000 đồng/cp, cao hơn giá khởi điểm 24% thu về gần 9.000 tỷ đồng; Các thương vụ điển hình khác diễn ra trước đó bao gồm: bán vốn của Bộ Xây Dựng tại Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (**DIG**) trị giá gần 2.500 tỷ đồng; Thương vụ chào bán cổ phần thứ cấp Vincom Retail (**VRE**) cho nhà đầu tư nước ngoài, với giá trị giao dịch là 16.849 tỷ đồng; thương vụ chào bán và niêm yết cổ phiếu Vietjet (**VJC**) trị giá trên 4.000 tỷ đồng; Phiên "chào sàn" của VPBank (**VPB**) tạo ra kỷ lục giao dịch thời điểm đó 2.255 tỷ đồng và nhiều thương vụ khác.

**Nhiều ý kiến chuyên gia dự báo khá lạc quan về triển vọng TTCK Việt Nam năm 2018 tiếp tục xu thế tăng trưởng tốt,** trên cơ sở kỳ vọng tích cực từ: (1) môi trường kinh tế và triển vọng kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định và cải thiện; (2) nội tại TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển cả về lượng và chất, mà động lực từ quá trình cổ phần hóa DNNN, niêm yết và thoái phần vốn nhà nước, sáp nhập...bên cạnh việc cải thiện lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết và đa dạng hóa các sản phẩm, công cụ giao dịch trên TTCK như Chứng quyền có bảo đảm, Hợp đồng tương lai Trái phiếu...; (3) dòng vốn đầu tư vào Việt Nam kỳ vọng vẫn duy trì ở mức cao, trực tiếp và gián tiếp vào thị trường cổ phiếu, đặc biệt là dòng vốn mới từ nhà đầu tư nước ngoài và câu chuyện về triển vọng TTCK được xem xét nâng hạng vẫn sẽ là một trong những động lực thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài FII vào Việt Nam; (4) việc ký kết và triển khai Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được đánh giá là sẽ mang lại tác động tích cực đến nền kinh tế và TTCK Việt Nam, (5) triển vọng tăng trưởng khả quan của các nền kinh tế lớn thế giới, triển vọng giá dầu và các hàng hóa cơ bản khác, FED nâng lãi suất là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến các cân đối vĩ mô của Việt Nam; và (6) các yếu tố khác như vấn đề xử lý nợ xấu, kiểm soát hiệu quả đầu tư công... cũng sẽ có tác động tích cực đến TTCK Việt Nam trong năm 2018. Tuy nhiên, cũng có những cảnh báo thận trọng với những đợt biến động, do đặc trưng của TTCK Việt Nam vẫn còn là thị trường cận biên, quy mô nhỏ dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài và phi thị trường. Vì vậy, hãy nhìn dài hạn và kiên định với mục tiêu đầu tư đã đặt ra!



## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SÔI ĐỘNG, LỢI SUẤT GIẢM



**1. Trong năm 2017, phát hành trái phiếu đạt 193 nghìn tỷ đồng**, trong đó trái phiếu Chính phủ (TPCP) do Kho bạc Nhà nước (KBNN) huy động đạt khoảng 160 nghìn tỷ, đạt 87,24% kế hoạch phát hành TPCP năm 2017. Tỷ lệ trúng thầu bình quân là 74%. Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân dài hơn đạt 13,5 năm, tăng lên đáng kể so với mức 8,7 năm 2016.

- Kho bạc Nhà nước phát hành thành công lượng lớn TPCP dài hạn 20-năm và 30-năm, chiếm gần 30% tổng lượng phát hành (so với mức khoảng 10,2% của năm 2016). Trái phiếu kỳ hạn 5- và 7- năm được phát hành nhiều nhất (tương ứng chiếm 23,4% và 21,7% tổng giá trị phát hành).
- Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị dư nợ trái phiếu tính đến cuối năm 2017 đạt khoảng 1,3 triệu tỷ đồng, chủ yếu là TPCP, tương đương 26% GDP. Giá trị giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp (bao gồm giao dịch outright và repo) đạt 2,25 triệu tỷ đồng và thanh khoản bình quân phiên tăng cao, đạt khoảng 8,64 nghìn tỷ đồng.
- Lợi suất TPCP giảm tại tất cả các kỳ hạn so với cuối năm 2016 với mức giảm từ 0,9% đến 1,26%, kỳ hạn dài có mức giảm mạnh hơn kỳ hạn ngắn.

**2. Năm 2018 dự báo sẽ là một năm khó khăn đối với thị trường trái phiếu.** Lợi suất trái phiếu dự báo sẽ tiếp tục giảm và tạo mặt bằng thấp mới. Áp lực phát hành TPCP không lớn và xu hướng dịch chuyển sang kỳ hạn dài vẫn tiếp diễn. Thanh khoản trên thị trường ngân hàng, chính sách của NHNN và tiến trình giải ngân vốn đầu tư công là những yếu tố chính tác động đến giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp năm 2018. Theo đó, các ngân hàng trong nước vẫn sẽ tiếp tục là chủ thể chi phối thị trường này, nhờ các yếu tố hỗ trợ thanh khoản thuận lợi như tỷ giá ổn định, lạm phát thấp, áp lực tăng trưởng tín dụng không quá cao, nên TPCP vẫn là kênh đầu tư quan trọng của các ngân hàng.



## CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2017

### BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nội dung	VND Số tiền
<b>Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm</b>	118.117.360.600
Phí cơ bản	112.135.352.000
Phí đóng thêm	5.982.008.600
<b>Quý mời góp thêm từ Quỹ Chủ sở hữu</b>	<b>(23.893.481.341)</b>
<b>Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết Đơn vị</b>	<b>(73.022.260.600)</b>
Năm thứ nhất	(53.268.885.500)
Năm thứ hai	(16.679.513.200)
Năm thứ ba	(3.073.861.900)
<b>Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết Đơn vị</b>	<b>21.201.618.659</b>

Quỹ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2017				Số phát sinh trong kỳ				Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017			
	Số		Giá		Số		Giá		Số		Giá	
	Số tiền	đơn vị quỹ	mua	bán	Số tiền	đơn vị quỹ	mua	bán	Số tiền	đơn vị quỹ	mua	bán
Quỹ bảo toàn	38.008.959.857	3.244.318	11.716	11.716	21.159.929.312	64.380	(*)	(*)	59.168.889.169	3.308.698	17.883	17.883
Quỹ phát triển	70.381.724.920	6.239.528	11.280	11.280	16.275.354.607	(169.208)	(*)	(*)	86.657.079.527	6.070.320	14.276	14.276
Quỹ tăng trưởng	23.911.866.883	2.183.680	10.950	10.950	1.581.511.355	10.893	(*)	(*)	25.493.378.238	2.194.573	11.617	11.617
Quỹ đảm bảo	6.418.273.927	621.480	10.327	10.327	1.301.457.917	90.424	(*)	(*)	7.719.731.844	711.904	10.844	10.844
Quỹ thịnh vượng	1.912.528.726	200.694	9.530	9.530	1.064.721.918	3.983	(*)	(*)	2.977.250.644	204.676	14.546	14.546
	<b>140.633.354.313</b>	<b>12.489.700</b>			<b>41.382.975.109</b>	<b>471</b>			<b>182.016.329.422</b>	<b>12.490.171</b>		

(\*) Không áp dụng

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản	Quỹ Tăng Trưởng	Quỹ Phát Triển	Quỹ Bảo Toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	Tổng cộng
Tiền mặt	1.034.653.684	686.683.656	235.549.657	85.062.488	52.061.537	2.094.011.022
<b>Danh mục đầu tư</b>	<b>58.113.497.260</b>	<b>85.969.638.731</b>	<b>25.259.225.555</b>	<b>7.630.973.512</b>	<b>2.924.145.604</b>	<b>179.897.480.662</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	12.705.317.221	25.259.225.555	1.401.306.389	-	39.365.849.165
Trái phiếu chính phủ	-	39.208.407.123	-	6.229.667.123	-	45.438.074.246
Cổ phiếu niêm yết	58.113.497.260	34.055.914.387	-	-	2.924.145.604	95.093.557.251
Tài sản khác	20.738.225	757.140	(1.396.974)	3.695.844	1.043.503	24.837.738
<b>Tổng tài sản</b>	<b>59.168.889.169</b>	<b>86.657.079.527</b>	<b>25.493.378.238</b>	<b>7.719.731.844</b>	<b>2.977.250.644</b>	<b>182.016.329.422</b>
<b>Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	<b>59.168.889.169</b>	<b>86.657.079.527</b>	<b>25.493.378.238</b>	<b>7.719.731.844</b>	<b>2.977.250.644</b>	<b>182.016.329.422</b>
<b>Giá trị tài sản ròng vào ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	<b>38.008.959.857</b>	<b>70.381.724.920</b>	<b>23.911.866.883</b>	<b>6.418.273.927</b>	<b>1.912.528.726</b>	<b>140.633.354.313</b>



**BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Quỹ tăng trưởng	Quỹ phát triển	Quỹ bảo toàn	Quỹ Đảm Bảo	Quỹ Thịnh Vượng	VND Tổng cộng
<b>Thu nhập</b>						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ						
Liên kết Đơn vị	14.563.670.764	2.440.693.984	2.976.319.890	1.116.385.255	104.548.766	21.201.618.659
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	21.343.654.226	19.688.670.661	1.582.174.696	1.250.778.400	1.073.966.558	44.939.244.541
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	799.496.111	1.582.174.696	83.778.611	-	2.465.449.418
<i>Trái phiếu chính phủ</i>	-	6.331.536.303	-	1.166.999.789	-	7.498.536.092
<i>Cổ phiếu</i>	21.343.654.226	12.557.638.247	-	-	1.073.966.558	34.975.259.031
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>35.907.324.990</b>	<b>22.129.364.645</b>	<b>4.558.494.586</b>	<b>2.367.163.655</b>	<b>1.178.515.324</b>	<b>66.140.863.200</b>
<b>Chi phí</b>						
Phí bảo hiểm rủi ro	11.979.387.363	3.781.756.923	2.420.057.714	1.688.600	-	18.182.890.600
Phí quản lý hợp đồng	792.881.837	249.791.777	161.135.386	-	-	1.203.809.900
Phí hủy hợp đồng	884.246.800	219.207.700	271.991.900	155.738.300	58.902.700	1.590.087.400
Phí quản lý quỹ	913.894.134	1.497.395.204	123.551.831	908.270.038	45.985.176	3.489.096.383
Phí hoạt động đầu tư	176.985.544	105.858.434	246.400	8.800	8.905.530	292.004.708
<b>Tổng chi phí</b>	<b>14.747.395.678</b>	<b>5.854.010.038</b>	<b>2.976.983.231</b>	<b>1.065.705.738</b>	<b>113.793.406</b>	<b>24.757.888.091</b>
<b>Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí</b>	<b>21.159.929.312</b>	<b>16.275.354.607</b>	<b>1.581.511.355</b>	<b>1.301.457.917</b>	<b>1.064.721.918</b>	<b>41.382.975.109</b>
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang	-	-	-	-	-	-
Thu nhập phân chia	-	-	-	-	-	-
<i>Cho chủ hợp đồng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mới)</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau</b>	<b>21.159.929.312</b>	<b>16.275.354.607</b>	<b>1.581.511.355</b>	<b>1.301.457.917</b>	<b>1.064.721.918</b>	<b>41.382.975.109</b>



## XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 60752779/19305063-ILP

### BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 2 đến trang 7 bao gồm báo cáo phí bảo hiểm và tình hình thay đổi đơn vị quỹ, báo cáo tình hình tài sản của các Quỹ Liên kết Đơn vị, báo cáo thu nhập và chi phí của các Quỹ Liên kết Đơn vị và các thuyết minh báo cáo kèm theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### *Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty*

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị phù hợp với Thông tư số 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2012, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 135/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2012, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị.



Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Samantha Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam